

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Chiến

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số 68/3, ấp B, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

**\* Bị đơn:** Ông Quách Văn C, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số 68/3, ấp B, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà và ông Quách Văn C kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã S, thị xã BT, (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 21/10/1997, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì cuộc sống hạnh phúc, đến khoảng 01 năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, ông C thường xuyên say sấn và đánh đập bà, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, bà và ông C đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông C có 02 con chung tên Quách Thị Thúy Q, sinh ngày: 31/5/1997 và Quách Thị Quỳnh H, sinh ngày: 20/3/2012. Đối với cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H, sau khi ly hôn sẽ do bà T trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông C không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ ông C đến để tiến hành hòa giải nhưng ông C vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Quách Văn C hiện đang cư trú tại thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Quách Văn C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông C vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Quách Văn C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim T và ông Quách Văn C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã BT, (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 21/10/1997, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà T cho rằng bà và ông C bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C thường xuyên say sấn và đánh đập bà, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện bà không còn tình

cảm với ông C nên xin ly hôn. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông C để tham gia phiên hòa giải nhưng ông C cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông không muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông C là có thật, đã ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Kim T và ông Quách Văn C có 02 con chung tên Quách Thị Thúy Q, sinh ngày: 31/5/1997 và Quách Thị Quỳnh H, sinh ngày: 20/3/2012. Đối với cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H, sau khi ly hôn sẽ do bà T trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của bà T là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Quách Văn C.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T là người trực tiếp nuôi con chung tên Quách Thị Quỳnh H, sinh ngày: 20/3/2012. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Quách Văn C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Quách Thị Thúy Q, sinh ngày: 31/5/1997, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông Quách Văn C được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008880 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Quách Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)  
**Lê Hoàng Út**